TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KONTUM** **TỈNH KONTUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 03/2018/QĐST-KDTM	*KonTum, ngày 12 tháng 4 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 4 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 02/2018/TLST-KDTM ngày 22/01/2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần C Việt Nam.

Địa chỉ: Số 108 Trần Hưng Đ, quận Hoàn K, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Văn T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng ông Lê Xuân Đ – Phó GĐ Ngân hàng TMCP C Việt Nam – Chi nhánh K (Văn bản ủy quyền ngày 28/6/2017).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1957 và Bà Võ Thị H, sinh năm 1961.

Cùng địa chỉ: Số 92 Lê Văn T, tổ 1, phường T, thành phố K, tỉnh K. Ông Nguyễn Văn H ủy quyền cho bà Võ Thị H tham gia tố tụng (Văn bản ủy quyền ngày 09/3/2018).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị H liên đới trả cho Ngân hàng TMCP C Việt Nam - Chi nhánh K số tiền tổng cộng là 2.674.027.346 đồng *(Hai tỷ sáu trăm bảy mươi bốn triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm bốn mươi sáu đồng)*. Trong đó nợ gốc: 2.420.000.000 đồng, nợ lãi tổng cộng là: 254.027.346 đồng (Tiền lãi tạm tính đến ngày 04/4/2018). Thời hạn trả nợ vào ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật 12/4/2018.

Đến hạn trả nợ theo sự thỏa thuận nói trên mà ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị H không trả đúng hoặc trả đủ số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng TMCP C Việt Nam - Chi nhánh K thì ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị H đồng ý để cho cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là các quyền sử dụng mà ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị H đã ký kết thế chấp với Ngân hàng TMCP C Việt Nam – Chi nhánh K, theo các hợp đồng thế chấp QSD đất số 211A/HĐTC ngày 28/10/2016; hợp đồng số 211B/HĐTC ngày 28/10/2016; hợp đồng số 457/HĐTC ngày 16/12/2016 và hợp đồng số 880/HĐTC ngày 05/12/2016 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp QSD đất ngày 07/9/2017 để thanh toán toàn bộ nợ gốc, nợ lãi và các khoản phí, tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP C Việt Nam – Chi nhánh K. Tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp cụ thể như sau:

1/ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 211A/HĐTC ngày 28/10/2016. Thế chấp QSD đất tại thôn 02, xã , thành phố K, tỉnh K, thuộc thửa đất số 166, tờ bản đồ số 02, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CC 234608, do Ủy ban nhân dân thành phố K cấp ngày 09-3-2016.

2/ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 211B/HĐTC ngày 28/10/2016. Thế chấp QSD tại thôn 02, xã Đ, thành phố K, thuộc thửa đất số 144, tờ bản đồ số 02, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BX 235370, do Ủy ban nhân dân thành phố K cấp ngày 23-10-2015;

3/ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 457/HĐTC ngày 16/12/2016. Thế chấp QSD tại thôn 02, xã Đ, thành phố K, thuộc thửa đất số 159, tờ bản đồ số 02, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CC 115489, do Ủy ban nhân dân thành phố K cấp ngày 25-12-2015;

4/ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 880/HĐTC ngày 05/12/2016. Thế chấp QSD tại thôn 02, xã Đ, thành phố K, thuộc thửa đất số 130, tờ bản đồ số 02, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BX 449810, do Ủy ban nhân dân thành phố K cấp ngày 24-9-2015;

Trường hợp sau khi xử lý các tài sản thế chấp nói trên mà không thu đủ nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Thi hành án theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và Ngân hàng TMCP C Việt Nam - Chi nhánh K có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị H chậm trả số tiền nói trên thì phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh đối với số tiền gốc chậm trả theo mức lãi suất theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng, tính lãi từ ngày 05/4/2018 cho đến khi thi hành án xong.

- Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị H trả lại cho Ngân hàng TMCP C Việt Nam – Chi nhánh K số tiền 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)* chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và Ngân hàng TMCP C Việt Nam - Chi nhánh K có đơn yêu cầu thi hành mà ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị H chậm trả lại tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 cho đến khi trả xong tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị H phải chịu 42.740.273 đồng *(Bốn mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn hai trăm bảy mươi ba đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP C Việt Nam 41.830.000 đồng *(Bốn mươi mốt triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001120 ngày 18-01-2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh K;
- VKSND TP K;.
- Chi cục THADS.TP K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Mai Thị Thu